

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Phú;

2/ Ông Huỳnh Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Hồng T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 5, ấp VP, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 5, ấp VP, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T trình bày: Hôn nhân của bà với ông Trần Thanh N do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/9/2008. Sau khi kết hôn bà và ông N về xã Long Thuận sống một thời gian, sau đó chuyển về ấp VP, xã V, huyện A sống bằng nghề làm thuê. Trong quá trình chung sống bà và ông N thường hay phát sinh mâu thuẫn, N nhân do ông N đi làm không gửi tiền về phụ

giúp nuôi con trong khi con lại bị bệnh tim bẩm sinh dẫn đến việc con chết và sau đó ông bỏ đi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, lúc xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, hiện cả hai không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay yêu cầu xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Trần Thanh N theo quy định nhưng ông N vắng mặt, không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải. Để đảm bảo quyền lợi của ông N, Tòa án có đến nhà của ông N để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà vào ngày 12/4/2019, kết quả thể hiện: Trong quá trình chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, N nhân là do ông N lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê nhưng không gửi tiền về phụ giúp chữa bệnh cho con trong khi con lại bị bệnh tim bẩm sinh, ông N không quan tâm chăm sóc con dẫn đến việc con chết, hiện hai người đã ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 16/4/2019, công an xã V cho biết hiện ông N vẫn còn đăng ký thường trú tại xã V theo tàng thư công an đang lưu giữ.

Tại phiên tòa bà T vẫn bảo lưu ý kiến. Ông N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà T và ông N có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và ông N có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh N. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà T và ông N đã lâu, cuộc sống thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và ông N có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Lê Hồng T được ly hôn với ông Trần Thanh N.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011124 ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà T đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141, quyển số 01 ngày 08/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã Long Thuận, Hồng Ngự (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo